

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Triển khai Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chiến lược), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện duyệt Chiến lược trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển giáo dục đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; các tiến bộ khoa học và công nghệ; chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, tạo nền tảng cho việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc. Phát triển hệ thống giáo dục mở, đảm bảo công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, phục vụ học tập suốt đời, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa, hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

a) Giáo dục mầm non

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phấn đấu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt 38% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 97% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo.

- Phấn đấu có 99,5% trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục được nâng cao, đảm bảo trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị vào học lớp 1.

- 100% giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

- Phấn đấu tỷ lệ trường mầm non dân lập, tư thục đạt 30%, số trẻ em theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục đạt 35%.

- Phấn đấu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; có trên 65% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

b) Giáo dục phổ thông

- Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phấn đấu

đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

- Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%, cấp trung học cơ sở đạt 97%; tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,7%, trung học cơ sở đạt 99% và hoàn thành cấp trung học phổ thông đạt 95%; tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở đạt 99,5%, từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông và các trình độ khác đạt 95%; 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày.

- 100% giáo viên phổ thông đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

- Phần đầu số cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đạt 5% và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đạt 5,5%.

- Phần đầu tỷ lệ phòng học kiên cố cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông đạt 100%; có 70% trường tiểu học, 75% trường trung học cơ sở và 65% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

- Phần đầu thành lập ít nhất 01 trường phổ thông chất lượng cao, đào tạo theo chương trình song ngữ.

c) Giáo dục đại học

- Số sinh viên đại học/vạn dân đạt ít nhất là 260, tỷ lệ sinh viên đại học trong nhóm độ tuổi 18-22 đạt ít nhất 33%, tỷ lệ sinh viên quốc tế theo học các chương trình giáo dục đại học tại tỉnh Lâm Đồng đạt 1,5%; tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt ít nhất 40%.

- Dịch chuyển cơ cấu trình độ và ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế tri thức và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu; tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) đạt 35%.

- Mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cho các cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm 100% cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn.

- Phần đầu 100% cơ sở đào tạo đại học trên địa bàn tỉnh đạt tiêu chuẩn chất lượng theo các chu kỳ kiểm định phù hợp.

- Số lượng công bố khoa học và công trình ứng dụng khoa học công nghệ tính bình quân trên 01 giảng viên toàn thời gian đạt 0,6 công trình/năm.

- Đến năm 2030, Trường Đại học Đà Lạt trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đứng đầu khu vực Tây Nguyên và có vị trí xếp hạng cao trong cả nước.

- Đến 2045, Trường Đại học Đà Lạt thuộc top 100 trường đại học hàng đầu châu Á về các lĩnh vực trọng điểm về nông nghiệp thông minh, công nghệ sinh học, kỹ thuật hạt nhân.

- Phần đầu thành lập ít nhất 01 trường đại học chất lượng cao, đào tạo theo chương trình song ngữ.

d) Giáo dục thường xuyên

- Phần đầu tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt 99,15%; trong đó tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 ở vùng đặc biệt khó

khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt 98,85%. Tỉnh Lâm Đồng đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Triển khai mô hình thành phố học tập; có ít nhất 70% huyện/ thành phố trực thuộc tỉnh được công nhận danh hiệu huyện/thành phố học tập và tỉnh Lâm Đồng được công nhận danh hiệu tỉnh học tập.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về phát triển nhân lực về giáo dục, đào tạo và các lĩnh vực có liên quan theo hướng khoa học, hiện đại, đồng bộ, liên thông, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn địa phương.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư cho giáo dục và đào tạo theo hướng Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, huy động sự tham gia hiệu quả của toàn xã hội vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo; bảo đảm tính đồng bộ của các văn bản pháp luật liên quan, nhất là về đầu tư, tài chính, tài sản công, ngân sách nhà nước và tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức trong các cơ sở giáo dục công lập; rà soát, hoàn thiện các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng và thuế đối với tất cả cơ sở giáo dục; tạo động lực thúc đẩy hợp tác và cạnh tranh bình đẳng trong mạng lưới cơ sở giáo dục công lập và tư thục, khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư phát triển giáo dục.

- Triển khai các chương trình: chương trình giáo dục mầm non mới với nội dung và phương pháp tiên tiến, phù hợp với điều kiện thực tiễn; nâng cao chất lượng việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; chương trình giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, phát huy năng lực tự học, năng lực sáng tạo của người học; chuẩn chương trình đào tạo cho các ngành, nhóm ngành bảo đảm chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm.

- Triển khai các quy định về liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo, tạo thuận lợi cho người học nâng cao trình độ và chuyển đổi ngành nghề.

- Thực hiện các quy định về tự chủ đại học; các quy định liên quan đến khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; chính sách đột phá để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại địa phương.

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách tiền lương, tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Chính sách động viên kịp thời đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số; có chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với nhà giáo công tác tại cơ sở giáo dục chuyên biệt.

2. Đổi mới quản lý giáo dục và quản trị nhà trường

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà nước về giáo dục; đổi mới bộ máy quản lý theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, đảm bảo tính hệ thống,

đồng bộ, liên thông trong quản lý nhà nước từ tỉnh và các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân; thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp; tăng cường năng lực thực thi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trong việc quyết định về biên chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho ngành giáo dục.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản trị cơ sở giáo dục theo hướng khoa học, hiện đại phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và thực tiễn ở nước ta, địa phương tỉnh Lâm Đồng; tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ của các cơ sở giáo dục; bảo đảm việc tham gia của người học, gia đình và xã hội trong giám sát các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý giáo dục và quản trị nhà trường. Xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục lành mạnh, phù hợp với yêu cầu của gia đình và xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh tự chủ đại học và đổi mới quản trị cơ sở giáo dục đại học theo hướng hiện đại, phù hợp với xu thế chung của thế giới. Thực hiện việc bí thư cấp ủy kiêm chủ tịch hội đồng trường, hội đồng đại học công lập; đồng thời, làm rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa chủ tịch hội đồng trường với hiệu trưởng để có quy định phù hợp với thực tiễn. Đánh giá toàn diện việc thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh để có giải pháp phù hợp, tạo thuận lợi cho công tác quản lý và phát triển hệ thống này trong thời gian tới.

- Tăng cường chất lượng của công tác lập kế hoạch; tổ chức dự báo, cung cấp thường xuyên các thông tin về phát triển giáo dục và nhu cầu nhân lực của xã hội cho các ngành, các cấp, các cơ sở giáo dục để điều tiết quy mô, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo cho phù hợp với nhu cầu sử dụng.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về giáo dục; thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn về công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch. Tăng cường năng lực đội ngũ thanh tra giáo dục để góp phần nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

3. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

- Thực hiện công bằng và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, nhất là của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu đô thị đông dân cư, khu công nghiệp và các đối tượng là trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những đối tượng yếu thế khác. Tăng cường dạy học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số, gìn giữ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Có chính sách hỗ trợ trẻ dưới 36 tháng tuổi được vào học ở nhà trẻ, nhất là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu công nghiệp, khu đô thị đông dân cư. Nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, tiến tới xóa mù chức năng.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách hỗ trợ cho người học là đối tượng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; chính sách tín dụng giáo dục, học bổng, trợ cấp xã hội cho người học; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt, tạo cơ hội học tập công bằng cho mọi người; chính sách cho sinh viên theo chế độ cử tuyển, học sinh trường dự bị đại học, người học là người dân tộc thiểu số rất ít người.

- Bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật. Tiếp tục triển khai có hiệu quả ba phương thức giáo dục cho người khuyết tật là phương thức giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập và chuyên biệt, trong đó đặc biệt quan tâm đến phương thức giáo dục hòa nhập.

- củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, hệ thống trường dự bị đại học nhằm duy trì kết quả phổ cập giáo dục và tạo nguồn đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân

- Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, đa dạng hoá các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục, phương thức học tập, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Gắn kết liên thông giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp theo Quyết định số 1727/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và điều kiện thực tế của mỗi địa phương, địa bàn cụ thể, bảo đảm đủ trường, lớp học và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở tiến tới thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục tư thục ở những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển. Nghiên cứu phát triển các mô hình mới như trường học số, trường học thông minh, trường học hạnh phúc, trường chất lượng cao, trường công lập tự chủ...

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở, linh hoạt, hiệu quả bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập.

- Triển khai hiệu quả Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học đại học của nhân dân và yêu cầu nguồn nhân lực trình độ cao, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Triển khai hiệu quả Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ

2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật.

- Rà soát, ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học; xây dựng hạ tầng phục vụ mở rộng không gian phát triển.

5. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục

- Đổi mới Chương trình giáo dục mầm non bảo đảm đồng bộ về nội dung và phương pháp, tiếp cận xu hướng tiên tiến về phát triển chương trình, phù hợp với tình hình thực tiễn, liên thông với đổi mới giáo dục phổ thông; tăng cường quản lý việc thực hiện Chương trình trong các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, quan tâm hỗ trợ chuyên môn đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập; chuẩn bị đủ các điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực từng cá nhân người học; đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông; nâng cao năng lực tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh; khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tài liệu, đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên. Tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục. Nghiên cứu xây dựng khung kỹ năng bồi dưỡng, thúc đẩy tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp cho học sinh phổ thông.

- Đổi mới chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông.

- Tăng cường các nguồn lực đầu tư để nâng cao chất lượng giáo dục đại học, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực các ngành đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, bán dẫn,... Đổi mới quản lý, chương trình và phương pháp đào tạo theo hướng hội nhập quốc tế.

- Tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo theo hướng khuyến khích lồng ghép nội dung về tinh thần doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp vào chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục quốc phòng và an ninh, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho học sinh, sinh viên.

Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, bảo đảm thời lượng phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng sống; hoạt động giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho học sinh, sinh viên. Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, xây dựng trường học an toàn, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần. Xây dựng các tiêu chí, yêu cầu cần đạt để đánh giá tính tích cực, chủ động của học sinh, sinh viên khi tham gia các hoạt động.

- Đổi mới đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; thúc đẩy môi trường học tập hài hoà, hạnh phúc, giảm nhẹ áp lực học tập, phát huy tối đa tiềm năng của người học, khuyến khích học theo đam mê và sở thích. Hoàn thiện các phương thức đánh giá, tiếp cận các thông lệ tốt của quốc tế, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tăng cường phân tích kết quả đánh giá phục vụ dạy học và quản lý giáo dục. Đẩy mạnh công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo trình độ đại học. Triển khai hiệu quả các chu kỳ đánh giá diện rộng cấp quốc gia nhằm định kỳ cung cấp các thông tin khách quan, tin cậy về chất lượng giáo dục phổ thông, làm cơ sở để xuất các chính sách, giải pháp đổi mới các hoạt động dạy và học đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và hội nhập quốc tế. Khuyến khích tổ chức, cá nhân, người sử dụng lao động tham gia xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học.

- Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; ưu tiên đầu tư đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh cho các trường sư phạm, các ngành đào tạo giáo viên; các chương trình đào tạo đại học triển khai dạy học ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; khuyến khích dạy học một số môn học bằng ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông và đào tạo bằng ngoại ngữ một số ngành học đại học; đảm bảo đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ. Xây dựng và triển khai Đề án Ngoại ngữ Quốc gia trong giai đoạn mới.

- Xây dựng và triển khai quy trình phát hiện sớm, bồi dưỡng và định hướng phát triển năng khiếu, tài năng trong học sinh, sinh viên, nhất là trong các môn học, các ngành nghề STEM; ưu tiên tuyển chọn và cấp học bổng cho những cá nhân xuất sắc đi học tập ở nước ngoài theo các chương trình học bổng có sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp với định hướng phát triển nhân lực quốc gia.

- Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên ngành giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp.

- Thực hiện đào tạo gắn với nhu cầu để bảo đảm đủ về cơ cấu, số lượng, chất lượng giáo viên mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên đáp ứng yêu cầu đổi

mới giáo dục; đổi mới mô hình, phương thức đào tạo giáo viên, gắn việc đào tạo trong các trường sư phạm với hoạt động thực tiễn tại các trường học; thực hiện đào tạo giáo viên theo cơ chế đặt hàng; bố trí, sử dụng, phân bổ đội ngũ nhà giáo phù hợp giữa các vùng và giữa các địa phương trong toàn tỉnh; đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng giáo viên đảm bảo các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên được bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Chương trình giáo dục thường xuyên.

- Khuyến khích đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý thường xuyên tự rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, phát huy tinh thần tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn, áp dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy và quản lý. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên ngành giáo dục theo hướng phát triển năng lực và đạo đức nghề nghiệp. Tăng số lượng giáo viên, giảng viên đi đào tạo nâng cao trình độ ở trong nước và nước ngoài; có chính sách thu hút các nhà khoa học trong và ngoài nước, người có trình độ tiến sĩ làm giảng viên tại các cơ sở giáo dục mũi nhọn và đại học.

- Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tuyển dụng, quản lý sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, yên tâm công tác và cống hiến; đồng thời thu hút được người giỏi vào ngành giáo dục và tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục phát triển; nghiên cứu, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về giáo dục đào tạo ở các cấp học gắn với hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển đội ngũ. Có chính sách khuyến khích, ưu đãi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nhất là nhà giáo, cán bộ quản lý là nữ, người dân tộc thiểu số, nhà giáo đang công tác trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt. Thực hiện chủ trương lương của nhà giáo được ưu tiên cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục

- Bố trí ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo bảo đảm đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước theo quy định và quản lý sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo. Kịp thời điều chỉnh tăng mức chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo phù hợp với tăng trưởng của nền kinh tế. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho giáo dục bắt buộc, giáo dục phổ cập, miễn học phí cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi, xóa mù chữ, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, các nhiệm vụ trọng điểm, các chương trình mục tiêu, các ngành nghề mũi nhọn; ưu tiên đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Nghiên cứu cơ chế phân bổ nguồn lực theo hướng chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ giáo dục theo kết quả đầu ra. Thực hiện cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của một số loại hình dịch vụ đào tạo. Tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của

nhà nước đối với người học ở trường công lập và tư thục. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích cộng đồng, xã hội tham gia phát triển giáo dục, nhất là đầu tư phát triển các loại hình cơ sở giáo dục tư thục đáp ứng nhu cầu xã hội, nhất là loại hình tư thục chất lượng cao và không vì lợi nhuận.

- Tăng cường huy động và thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển giáo dục. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo có thành tích học tập tốt. Phát triển các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao kết quả nghiên cứu.

- Xây dựng, triển khai chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và phổ thông bảo đảm điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình. Đồng thời, tích hợp các mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học vào các chương trình mục tiêu quốc gia. Tiếp tục đầu tư xây dựng các trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

- Huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại, vốn đầu tư, tài trợ của tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư công để gia tăng thu hút các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục đại học tương xứng với vị trí vai trò của giáo dục đại học, nhất là cho đào tạo nhân lực chất lượng cao, cho các ngành trọng điểm, công nghệ cao.

- Xây dựng, thực hiện Chương trình đầu tư công hiện đại hoá giáo dục đại học phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, sư phạm và cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tạo đột phá trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đảm bảo đầy đủ nguồn lực để triển khai thực hiện quy hoạch và các đề án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển các ngành kinh tế quan trọng và các lĩnh vực công nghệ cao được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục

- Triển khai Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, quản lý giáo dục; hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu toàn ngành giáo dục, đồng bộ, thống nhất kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, các cấp quản lý giáo dục, kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; tất cả cơ sở giáo dục triển khai dạy học, quản lý nhà trường trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả, tạo nên hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

- Xây dựng và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, đáp ứng cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Phát triển kho học liệu số dùng chung toàn ngành. Đẩy mạnh đào tạo trực tuyến theo chuẩn quốc tế. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Nghiên cứu, thí điểm và triển khai các mô hình trường học mới như trường học số, trường học

thông minh; triển khai mạnh mẽ mô hình giáo dục đại học số nhằm phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Phát triển mạng lưới giáo dục đại học số trên cơ sở chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong tổ chức và hoạt động của từng cơ sở và cả hệ thống giáo dục đại học; liên kết mạng lưới cơ sở giáo dục đại học trên các nền tảng trực tuyến nhằm chia sẻ, sử dụng hiệu quả tài nguyên và dịch vụ giáo dục đại học; chuyển đổi mô hình hoạt động của một số trường đại học hoặc đơn vị đào tạo thuộc cơ sở giáo dục đại học thành trường đại học số, trường đào tạo số. Tăng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả của giáo dục đại học số; hình thành mạng lưới cơ sở giáo dục đại học theo ngành, lĩnh vực trọng điểm trên hệ thống giáo dục đại học số quốc gia.

- Đảm bảo các điều kiện về nhân lực và hạ tầng số, đường truyền, băng thông, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin, ưu tiên hỗ trợ các cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong hợp tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng và thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

9. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học

- Đầu tư nâng cao tiềm lực nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học; ưu tiên đầu tư phát triển khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn, công nghệ mới và nghiên cứu ứng dụng những lĩnh vực Việt Nam, tỉnh Lâm Đồng có thế mạnh; phát triển một số cơ sở giáo dục đại học trở thành hạt nhân thúc đẩy mạng lưới trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng về công nghệ ưu tiên của công nghệ 4.0. Tăng cường công bố khoa học, khuyến khích xuất bản và phổ biến các công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, bảo đảm liên chính học thuật. Nâng cao chất lượng tạp chí khoa học của các cơ sở giáo dục đại học để gia nhập hệ thống trích dẫn có uy tín của khu vực và thế giới.

- Thực hiện phân bổ ngân sách chi sự nghiệp khoa học công nghệ tương xứng với năng lực và kết quả hoạt động khoa học công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tập trung đẩy mạnh gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu, phát triển khoa học và đổi mới sáng tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học và tạo ra tài sản trí tuệ. Tăng cường nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, khuyến khích thành lập doanh nghiệp ứng dụng chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học. Hình thành văn hóa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục từ phổ thông đến đại học; hình thành mạng lưới đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học.

- Phát triển nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý giáo dục; tập trung đầu tư nâng cao tiềm lực và hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục quốc gia. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên

gia giáo dục. Tiếp tục triển khai Chương trình nghiên cứu cấp quốc gia về khoa học giáo dục và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục ở các cơ sở giáo dục và đào tạo.

10. Tăng cường hội nhập quốc tế

- Chủ động mở rộng hợp tác song phương và đa phương; thúc đẩy hợp tác với các nước ASEAN và các nước có nền giáo dục chất lượng hàng đầu thế giới. Đẩy mạnh việc ký kết và triển khai hiệu quả các thỏa thuận, điều ước quốc tế, trong đó ưu tiên thực hiện các cam kết quốc tế, khu vực về mục tiêu phát triển giáo dục, chương trình, dự án và các chương trình học bổng hiệp định.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế giữa các cơ sở giáo dục của tỉnh và các đối tác có uy tín của nước ngoài; thực hiện tham chiếu Khung trình độ quốc gia Việt Nam với các khung trình độ quốc gia các nước, các khu vực; tham gia các cơ chế công nhận văn bằng, tín chỉ quốc tế và khu vực. Tham gia các chương trình đánh giá, xếp hạng chất lượng giáo dục quốc tế đối với giáo dục phổ thông và các bảng xếp hạng đại học quốc tế có uy tín.

- Tăng cường trao đổi học sinh, sinh viên và giảng viên; chia sẻ kinh nghiệm quản lý giáo dục và hợp tác nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Lâm Đồng. Khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học hợp tác về đào tạo, nghiên cứu với các trường, viện nghiên cứu quốc tế chất lượng cao để hình thành nhóm nghiên cứu quốc tế.

- Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước, nhất là đào tạo giảng viên trình độ tiến sĩ và chuyên gia các ngành kỹ thuật, công nghệ cao, các ngành trọng điểm mà tỉnh có nhu cầu.

- Đẩy mạnh hợp tác và đầu tư với nước ngoài, phát triển các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông chất lượng cao, các trường đại học theo hiệp định hợp tác đã ký kết; thu hút các cơ sở giáo dục đại học uy tín ở trong nước, ở nước ngoài mở phân hiệu tại tỉnh.

- Tăng cường đưa tiếng Việt và văn hóa Việt Nam ra nước ngoài; nâng cao chất lượng dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài ở Việt Nam.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí

a) Nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

c) Nguồn thu học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

d) Huy động của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn thu, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ nhiệm vụ tại Kế hoạch này, các đơn vị xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của đơn vị trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Giúp UBND tỉnh chỉ đạo thống nhất việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Phối hợp với các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan và cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch.

b) Tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án về phát triển giáo dục theo phân cấp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

c) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Hướng dẫn thực hiện cơ chế liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp với các bậc học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

b) Chủ trì xây dựng Khung trình độ kỹ năng nghề theo quy định của pháp luật về việc làm đồng bộ, liên thông với khung trình độ quốc gia đáp ứng yêu cầu kỹ năng nghề nghiệp của thị trường lao động; tổ chức dự báo và thông tin về nhu cầu nhân lực.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện Kế hoạch này theo quy định của pháp luật. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn các đơn vị thực hiện quy định về thu hút đầu tư nước ngoài, huy động và cân đối nguồn lực, bố trí vốn đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo.

4. Sở Tài chính: Chủ trì bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; bảo đảm bố trí ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo bảo đảm đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước theo quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, đề xuất các chương trình, đề án để thúc đẩy hoạt động khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục; đề xuất phương án phân bổ ngân sách chi sự nghiệp khoa học công nghệ tương xứng với năng lực và kết quả hoạt động khoa học công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học.

6. Ban Dân tộc tỉnh: Tuyên truyền và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cụ thể hóa vào Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030.

7. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Lâm Đồng: Tuyên truyền, phổ biến Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ và nội dung Kế hoạch này. Tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền về giáo dục đào tạo địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

8. Các sở, ban ngành có liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội: Tuyên truyền, phổ biến Chiến lược và Kế hoạch này. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án thực hiện Chiến lược theo

quy định của pháp luật. Kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện các chương trình, dự án theo phân công. Giám sát các hoạt động giáo dục đào tạo và phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục đào tạo.

9. Hội Khuyến học tỉnh: Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch vào kế hoạch triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2025”.

10. Tỉnh Đoàn Lâm Đồng: Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch thực hiện Chiến lược vào kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

11. UBND các huyện, thành phố: Xây dựng các chương trình, nhiệm vụ hằng năm và giai đoạn để phát triển giáo dục đào tạo thuộc phạm vi quản lý; tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn quản lý; đánh giá hằng năm, sơ kết 05 năm về tình hình thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Đề nghị Trường Đại học Đà Lạt, Trường Đại học Yersin; Trường Cao đẳng Đà Lạt

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ hằng năm và giai đoạn để triển khai nhiệm vụ phát triển giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh.

b) Trường Đại học Đà Lạt xây dựng lộ trình đến năm 2030, Trường Đại học Đà Lạt là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đứng đầu khu vực Tây Nguyên và có vị trí xếp hạng cao trong cả nước. Đến 2045, Trường Đại học Đà Lạt thuộc top 100 trường đại học hàng đầu châu Á về các lĩnh vực trọng điểm về nông nghiệp thông minh, công nghệ sinh học, kỹ thuật hạt nhân.

c) Đánh giá hằng năm, sơ kết 05 năm về tình hình thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. 

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như mục IV;
- Lưu: VT, VX₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm S

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ VÀ ĐỀ ÁN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045
(Kèm theo Kế hoạch số 486/KH-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

TT	Nhiệm vụ, đề án	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Phê duyệt
1	Tham mưu triển khai thi hành Luật Học tập suốt đời trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	Khi Luật được ban hành	UBND tỉnh
2	Tham mưu triển khai thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	Khi Luật được ban hành	UBND tỉnh
3	Tham mưu triển khai thi hành Luật Giáo dục Đại học thay thế Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 trên địa bàn tỉnh	Trường ĐH Đà Lạt, ĐH Yersin	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	Khi Luật được ban hành	UBND tỉnh
4	- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố chỉ đạo Hội đồng GDQP và AN phối hợp với trung tâm giáo dục cộng đồng tuyên truyền, phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho nhân dân trên địa bàn. - Tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh tại cơ sở.	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan		UBND tỉnh
5	Tham mưu triển khai Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2025	UBND tỉnh
6	Tham mưu triển khai Đề án đổi mới chương trình giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2025	UBND tỉnh
7	Tham mưu triển khai Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2026	UBND tỉnh
8	Tham mưu triển khai Đề án nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2026	UBND tỉnh
9	Tham mưu triển khai Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2026	UBND tỉnh
10	Tham mưu triển khai Đề án đảm bảo điều kiện để thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo Luật Giáo dục năm 2019 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2027	UBND tỉnh
11	Tham mưu triển khai Đề án xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường ĐH Đà Lạt, ĐH Yersin	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2026	UBND tỉnh

TT	Nhiệm vụ, đề án	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Phê duyệt
12	Tham mưu triển khai Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường ĐH Đà Lạt, ĐH Yersin	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2026	UBND tỉnh
13	Tham mưu triển khai Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường ĐH Đà Lạt, ĐH Yersin	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2025	UBND tỉnh
14	Tham mưu triển khai Đề án đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường ĐH Đà Lạt, ĐH Yersin, Trường	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2025	UBND tỉnh
15	Tham mưu triển khai Đề án đổi mới hình thức thi tốt nghiệp THPT thí điểm từ năm 2027 và triển khai đồng bộ sau năm 2030 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2026	UBND tỉnh
16	Tham mưu triển khai Đề án xây dựng văn hóa học đường giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2026	UBND tỉnh
17	Tham mưu triển khai Chương trình đầu tư công hiện đại hoá giáo dục đại học	Trường ĐH Đà Lạt, ĐH Yersin	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2025	UBND tỉnh
18	Tham mưu triển khai Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2025	UBND tỉnh
19	Tham mưu triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2026 - 2035, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2025	UBND tỉnh
20	Tham mưu triển khai Đề án phát triển y tế học đường trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2025	UBND tỉnh
21	Tham mưu triển khai Đề án phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2026	UBND tỉnh
22	Tham mưu triển khai Đề án tăng cường hoạt động nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với hoạt động đào tạo trong cơ sở giáo dục đại học	Trường ĐH Đà Lạt, ĐH Yersin	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2027	UBND tỉnh
23	Tham mưu triển khai Đề án phát triển và bảo tồn tiếng nói, chữ viết các dân tộc giai đoạn 2030 - 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Dân tộc	Các sở, ban ngành, tổ chức có liên quan	2029	UBND tỉnh